

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/DS-ST

Ngày: 26-5-2021

V/v tranh chấp đòi tài sản, ly hôn
và cấp dưỡng nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC – TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Nguyễn Quan Qui

Bà Nguyễn Thị Hồng Thùy

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh Nhật- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa:
Bà Từ Ngọc Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 419/2020/TLST - DS ngày 22/12/2020 về việc “*Tranh chấp đòi tài sản, ly hôn và cấp dưỡng nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn C, sinh năm: 1976; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh A. (xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Thùy T, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện G, tỉnh A. (có mặt)

3. *Người làm chứng:* Bà Tạ Thị H, sinh năm 1955; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh A. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C: Ông Võ Văn C yêu cầu bà Phạm Thị Thùy T phải trả lại cho ông C số tiền là 9.000.000 đồng bao gồm: giá trị 01 xe Dream do ông C mua lại nhưng chưa sang tên. Năm 2017, khi ông C bị bắt thì để lại nhà bà T, sau đó bà T đã thừa nhận bán giá 3.000.000 đồng; 01 chỉ vàng 9999 khi còn chung sống ông C đưa cho bà T giữ và bà T đã bán 3.000.000 đồng; ngoài ra còn 3.000.000 đồng do ông C mượn của mẹ ruột là bà Tạ Thị H, bà H đưa cho bà T để khắc phục hậu quả cho người bị hại nhưng bà T không nộp cho ông C.

Yêu cầu và đề nghị của bà Phạm Thị Thùy T: Ông C yêu cầu trả số tiền 9.000.000 đồng nêu trên thì bà T không đồng ý vì số tiền này trong thời gian ông C bị bắt thì bà T sử dụng để sinh con. Đồng thời, thời gian ông C chấp hành án thì bà T đi thăm nuôi rất nhiều lần. Quá trình nuôi con cũng có mình bà T chăm sóc, chi phí cho con. Do thời gian chung sống không nghĩ phải giữ lại giấy tờ chứng minh và một số giấy tờ thăm nuôi thì ông C đã đốt bỏ. Do trước đây tức giận nên bà T có trình bày không có giữ 9.000.000 đồng của ông C.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thùy T yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn C.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Ngọc P sinh ngày 06/5/2017, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con hàng tháng trong thời gian ông C chấp hành án từ tháng 05/2017 đến tháng 04/2019 và cấp dưỡng sau khi ly hôn với mức cấp dưỡng là 725.000 đồng/tháng.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Võ Văn C cung cấp: Bản tự khai, đơn xin trình bày; Bản sao không chứng thực giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù.

Các tài liệu, chứng cứ do bà Phạm Thị Thùy T cung cấp: Trích lục khai sinh Phạm Ngọc P; Bản sao không chứng thực biên lai thu tiền; Bản tự khai; Đơn xin tường trình.

Các tình tiết của vụ án:

Các tình tiết ông Võ Văn C và bà Phạm Thị Thùy T trình bày thống nhất:

Bà T xác định có bán 01 chiếc xe Dream của ông C để lại là 3.000.000 đồng; 01 chỉ vàng 9999 do ông C đưa, đã bán với giá 3.000.000 đồng và 3.000.000 đồng do ông C mượn của mẹ ruột ông C.

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hiện nay, ông C và bà T không còn sống chung nên thống nhất ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tình tiết ông Võ Văn C và bà Phạm Thị Thùy T trình bày không thống nhất:

Ông Võ Văn C trình bày: Ông C xác định ông và bà T chung sống từ tháng 10/2016, do đó Phạm Ngọc P sinh ngày 06/5/2017 không phải con chung của ông C và bà T. Ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà T và không có yêu cầu đối với Phạm Ngọc P.

Bà Phạm Thị Thùy T trình bày: Bà T xác định bà và ông C chung sống từ năm 2015. Năm 2017, ông C bị bắt do gây thương tích cho người khác và phải chấp hành án là 03 năm. Sau khi chấp hành án xong năm 2019 thì giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn. Bà nghi ngờ ông C có tình cảm với người khác và vấn đề kinh tế gia đình dẫn đến thường xuyên cãi vã.

Về con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống thì vợ chồng có 01 người con chung tên Phạm Ngọc P sinh ngày 06/5/2017. Do ông C yêu cầu bà trả số tiền 9.000.000 đồng nên bà yêu cầu cản trừ số tiền trên vào tiền cấp dưỡng nuôi con trong thời gian ông C đi chấp hành án mà bà phải nuôi con 01 mình, số tiền 9.000.000 đồng bà dùng để chăm sóc cho con chung. Tuy nhiên, hiện nay ông C không thừa nhận con chung và không đồng ý giám định AND nên bà không tiếp tục yêu cầu giải quyết nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, con chung Phạm Ngọc P sinh ngày 06/5/2017 sẽ do bà nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C, buộc bà T trả lại số tiền 9.000.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, xác định bà T và ông C không phải là vợ chồng. Đình chỉ yêu cầu của bà T về con chung và cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là tranh chấp “Đòi tài sản” được quy định tại Bộ luật Dân sự. Bà Phạm Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu ly hôn là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nguyên đơn ông Võ Văn C và bị đơn bà Phạm Thị Thùy T đều cư trú tại xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An theo quy định tại Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt ông Võ Văn C: Ông Võ Văn C xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Võ Văn C.

[3] Về con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu cản trừ số tiền ông C phải cấp dưỡng nuôi con vào số tiền 9.000.000 đồng mà ông C yêu cầu bà T trả lại. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 12/4/2021 và tại phiên tòa bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con và cản trừ tiền cấp dưỡng do ông C xác định Phạm Ngọc P không phải con chung của ông bà, đồng thời không đồng ý giám định gen. Do đó, căn cứ Điều 5, Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án đình chỉ trả lại đơn cho bà T.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết, ông C yêu cầu bà T trả lại số tiền 9.000.000 đồng là giá trị tài sản của ông C mà bà T đã bán nhưng không trả lại cho ông C, cùng tiền ông mượn từ mẹ ruột. Mặc dù, tại biên bản hòa giải ngày 12/4/2021 của Tòa án bà T không thừa

nhận có giữ số tiền 9.000.000 đồng nêu trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà T xác định có giữ số tiền 9.000.000 đồng do bán tài sản của ông C và số tiền ông C vay từ mẹ ruột. Căn cứ sự thừa nhận của bà T thì đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 có cơ sở xác định bà T có giữ số tiền 9.000.000 đồng của ông C. Mặc dù, bà T trình bày đã sử dụng số tiền trên trong việc thăm nuôi khi ông C chấp hành án, cũng như dùng vào việc nuôi con chung. Nhưng bà T không cung cấp được chứng cứ xác định chi phí thăm nuôi cũng như nuôi con chung của ông bà. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C đòi bà T trả số tiền 9.000.000 đồng.

[5] Đối với yêu cầu ly hôn của bà T, ông C xác định ông bà chung sống từ năm 2015. Sau đó, ông xác định chung sống từ tháng 10/2016, tuy nhiên thời gian chung sống đến nay ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn năm 2019 nhưng không thể giải quyết được và hiện đã sống ly thân. Thời điểm, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông bà vẫn chưa đăng ký kết hôn. Căn cứ Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”* và tại Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”*. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Thùy T và ông Võ Văn C.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông C không có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: Bà Phạm Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 92, 96, 147, 227, 228, 217, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 275 và Điều 579 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C về việc đòi số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Buộc bà Phạm Thị Thùy T trả cho ông Võ Văn C số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Thùy T và ông Võ Văn C.

3. Đình chỉ yêu cầu nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con và cản trở tiền cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Hoàn trả lại cho ông Võ Văn C số tiền 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà ông Chuộn đã nộp theo biên lai thu số 0008092 ngày 01/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Bà Phạm Thị Thùy T phải chịu 450.000đ (bốn trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đòi tài sản và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0008283 ngày 13/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc sang thành án phí, bà T còn phải nộp tiếp số tiền 450.000đ (bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm ngày) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

7. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phương Thảo

